

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 210 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2020

V/v: “Tranh chấp ly hôn và con chung”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH – TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Đình Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lý Thị Bạch Tuyết.

2. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngọc Thị Ngoan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/9/2020 tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2020/TLST – HNGĐ ngày 17/02/2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2020/QĐXXST– HNGĐ ngày 26/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2020/QĐST – HNGĐ ngày 12/9/2020, giữa các đương sự:

- *NgU đơn:* Chị Hoàng Thị Hồng A, sinh năm 1982.

Địa chỉ: tổ A, khu phố LD, phường TP, TP BH, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Kiều Anh T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp A, xã ST (nay là ấp B, xã BC), huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Chị Anh có mặt; anh T có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, ngU đơn chị Hoàng Thị Hồng A trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Kiều Anh T kết hôn với nhau năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ST. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xU xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm về cách dạy con, cách sinh hoạt, cũng như quan hệ ngoài xã hội. Vì những lý do này mà quan hệ vợ chồng ngày càng căng thẳng. Chị cũng đã nhiều lần làm đơn xin ly hôn nhưng vì nghĩ đến con còn nhỏ nên chị không nộp ra Tòa. Vợ chồng đã nhiều lần ngồi bàn bạc tìm cách giải quyết, gia đình cũng

đã khU bảo nhưng vẫn không khắc phục được mà mâu thuẫn còn ngày càng trầm trọng hơn. Vợ cHồng A chỉ đã ly thân hơn 01 năm. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 cháu tên Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 23/10/2002; Nguyễn Hoàng Phương U, sinh ngày 06/11/2006. Ly hôn, chị xin nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự vợ chồng thỏa thuận.

Về nợ chung: không có.

*\* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, anh Nguyễn Kiều Anh T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hồng A kết hôn với nhau năm 2002, có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Anh chị sống với nhau hạnh phúc, chỉ khoảng 01 năm gần đây mới phát sinh mâu thuẫn. NgU nhân là do chị Hồng A ghen tuông vô cớ và không tin tưởng anh. Do anh có cơ sở kinh doanh tại Bình Thuận nên khoảng 01 năm nay anh thường xU đi làm xa, khoảng 03 đến 04 ngày mới về. Nay, chị Hồng A có đơn xin ly hôn thì anh không đồng ý do mâu thuẫn chưa trầm trọng và anh vẫn còn yêu thương vợ.

Về con chung: Anh chị có 02 cháu tên Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 23/10/2002; Nguyễn Hoàng Phương U, sinh ngày 06/11/2006.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh xin được nuôi cả 02 cháu, không yêu cầu chị Hồng A cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự vợ chồng thỏa thuận.

Về nợ chung: không có.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành có ý kiến:**

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng, về việc xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ vụ án và thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử đều được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Hồng A và anh T được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật bảo vệ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án chấp nhận đơn ly hôn của chị Hồng A.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 23/10/2002 cho chị Hồng A; giao cháu Nguyễn Hoàng Phương U, sinh ngày 06/11/2006 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Nguyễn Kiều Anh T có hộ khẩu thường trú tại xã BC, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên Tòa án nhân dân huyện Long Thành thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: chị Hoàng Thị Hồng A khởi kiện xin được ly hôn với anh Nguyễn Kiều Anh T và giải quyết vấn đề con chung. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Long Thành căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ là “Tranh chấp ly hôn và con chung”.

- Anh Nguyễn Kiều Anh T là bị đơn trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

### **[2] Nội dung vụ án:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Hồng A và anh Nguyễn Kiều Anh T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ST, huyện LT, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên chị Hồng A xin được ly hôn.

Còn anh Nguyễn Kiều Anh T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chỉ xảy ra cách đây khoảng 01 năm. Hiện nay vẫn còn tình cảm với chị Hồng A và mâu thuẫn chưa trầm trọng nên anh không đồng ý ly hôn.

Mặc dù ngU nhân do các đương sự trình bày khác nhau nhưng việc phát sinh mâu thuẫn trong quá trình chung sống đều được các bên thừa nhận.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã tiến hành xác minh mâu thuẫn tại địa phương nhưng không ai biết. Tuy nhiên, qua làm việc với cháu C, cháu U là con của chị Hồng A và anh T thì các cháu cho biết: Trong quá trình chung sống, cha mẹ cháu thường xU cãi nhau. Các cháu cũng muốn cha mẹ hàn gắn đoàn tụ nhưng không được.

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Hồng A và anh T là có thật. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị Hồng A đã không còn tình cảm vợ chồng đối với anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án cũng cố gắng động viên để chị Hồng A rút đơn, hàn gắn đoàn tụ với anh T nhưng chị Hồng A xác định tình cảm vợ chồng không còn và vẫn kiên quyết xin ly hôn.

Do mâu thuẫn giữa chị Hồng A và anh T là có thật, hiện chị Hồng A không còn tình cảm gì với anh T, nếu có tiếp tục sống chung thì cũng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồng A, cho chị Hoàng Thị Hồng A được ly hôn với anh Nguyễn Kiều Anh T là phù hợp.

Về con chung: Anh chị có 02 cháu tên Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 23/10/2002; Nguyễn Hoàng Phương U, sinh ngày 06/11/2006.

Tại phiên tòa, chị Hồng A xin nuôi cháu C, giao cháu U cho anh T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã tham khảo ý kiến của 02 cháu thì được biết cháu C mong muốn được sống cùng chị Hồng A, cháu U mong muốn được sống với anh T. Vì vậy, giao cháu C cho chị Hồng A, giao cháu U cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

Về tài sản chung: chị Hồng A và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét.

**[3]** Về án phí HNGĐ - ST: chị Hồng A phải nộp 300.000đ án phí ly hôn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 203, 220, 228, 235, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **TU XỬ:**

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị Hồng A.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Hồng A được ly hôn với anh Nguyễn Kiều Anh T.

Về con chung: có 02 cháu tên Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 23/10/2002; Nguyễn Hoàng Phương U, sinh ngày 06/11/2006.

Giao cháu C cho chị Hồng A; giao cháu U cho anh T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Hồng A, anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi vị trí người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: không có.

Về án phí HNGĐ – ST: Chị Hồng A phải nộp 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại cơ quan C cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành theo biên lai thu số 0003080 ngày 12/02/2020.

Chị Hồng A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tU án. Anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS ND tỉnh Đồng Nai;
- T.H.A dân sự H. Long Thành;
- VKS H. Long Thành;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS, VP.

**Nguyễn Đình Trung**